

Mục lục

I. Đại cương môn học:	1
II. Mục đích của khóa học.....	1
III. Giải thích quy trình tổng thể ERP	2
a. Quy trình xí nghiệp chung.....	2
b. Quan hệ giữa thao tác chức năng thủ quỹ và các mô-đun khác.....	5
D. Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng thủ quỹ	6
E. Thao tác thiết lập dữ liệu cơ bản đầu tiên.....	8
a. Thao tác thiết lập tham số tài chính.....	8
b. Thao tác thiết lập tỷ giá.....	8
c. Thao tác thiết lập tổ chức tài chính	9
d. Thao tác thiết lập dữ liệu nhà cung cấp	9
e. Thao tác thiết lập dữ liệu khách hàng	10
f. Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng.....	10
g. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ.....	11
F. Giải thích các quy trình	12
a. Quy trình rút gửi tiền ngân hàng	12
1. Giải thích quy trình gửi tiền (chuyển khoản gửi tiền).....	12
2. Giải thích quy trình rút tiền (chuyển khoản chi tiền).....	13
3. Giải thích trọng điểm và ví dụ	15
b. Quy trình quản lý phiếu séc phải thu	18
1. Giải thích quy trình	18
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	22
c. Quy trình quản lý séc phải trả	27
1. Giải thích Quy trình	27
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	28
d. Quản lý ngoại hối.....	34
1. Thuyết minh quy trình	34
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	35
e. Quy trình quản lý ước tính tiền vốn	38
1. Giải thích quy trình	38
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	39
f. Quy trình kết sổ hàng tháng.....	41
1. Giải thích quy trình	41
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	42

I. Đại cương môn học:

- ♦ Giải thích quy trình tổng thể ERP
- ♦ Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng thủ quỹ
- ♦ Thiết lập trước dữ liệu cơ bản
- ♦ Giải thích các quy trình
 - ✓ Quy trình rút, gửi tiền ngân hàng
 - ✓ Quy trình quản lý chứng từ
 - ✓ Quy trình quản lý ngoại hối
 - ✓ Quy trình quản lý dự toán tiền vốn
 - ✓ Quy trình quản lý chi phí đề nghị
 - ✓ Quy trình chuyển khoản ngân hàng
 - ✓ Quy trình kết toán hàng tháng

II. Mục đích của khóa học

Sau khi kết thúc khóa học, bạn cần phải hiểu biết:

- ♦ Sự hữu ích trong công ty của quy trình tổng thể của ERP và chức năng thu ngân của ERP
- ♦ Quan hệ giữa các thao tác liên quan về chức năng thu ngân và các mô-đun khác
- ♦ Chức năng thu ngân cần nghiên cứu và học tập các phần hành nào
- ♦ Các quy trình chức năng thu ngân và hiểu biết điều khiển lập thao tác và in chứng từ hoặc báo biểu.

Lưu ý: Thao tác cơ bản xin nghiên cứu tại website (<http://elearning.dsc.com.tw/>) .

Hệ thống môn học	Tên môn học
Thao tác cơ bản	Thao tác cơ bản -Bài học đơn giản
	Thao tác cơ bản -Bài in chứng từ
	Thao tác cơ bản -Bài in báo biểu

a. Quy trình xí nghiệp chung

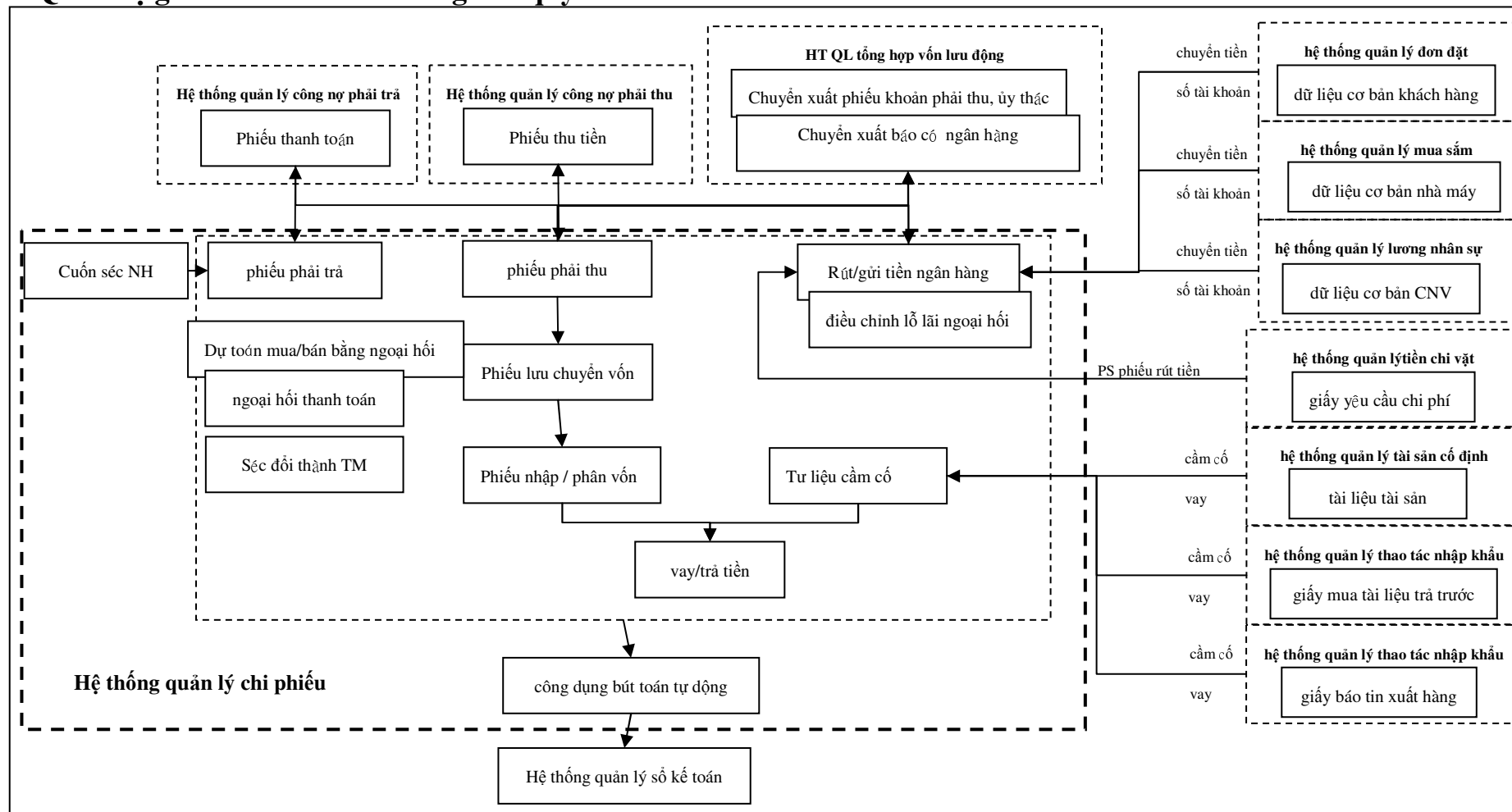


Giải thích mối liên quan giữa các chức năng:

Chức năng	Giải thích thao tác
❶ Nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Trước hết khách hàng sẽ mời nhân viên nghiệp vụ báo giá. ♦ Song phương sẽ căn cứ theo nhu cầu ký kết “Đơn đặt hàng theo hợp đồng” hoặc trực tiếp lập “Đơn đặt hàng”. ♦ Nếu số lượng tồn kho chưa đạt nhu cầu số lượng đơn đặt hàng, có thể thực hiện “Kế hoạch sản xuất”(xem chi tiết trong “Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài ❸”). ♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung đơn đặt hàng, có thể ghi chép dữ liệu trong “Thay đổi đơn đặt hàng”. ♦ Xuất hàng vào ngày theo dự định giao (Đơn bán hàng). ♦ Sau khi xuất hàng nếu khách hàng trả hàng hoặc cho chiết khấu,có thể ghi chép vào “Đơn trả lại hàng bán”.
❷ Nghiên cứu phát triển	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Trước khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, thiết lập sẵn dữ liệu dùng NVL của thành phẩm và bán thành phẩm. ♦ Nếu không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể triển khai BOM dùng NVL khi lập “Lệnh sản xuất”. ♦ Kế tiếp nếu việc dùng NVL có sự thay đổi, thì có thể ghi chép trong “Thay đổi BOM”.
❸ Quản lý sản xuất ủy thác ngoài	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu thành phẩm không đủ, có thể phát “Lệnh sản xuất”(sản xuất trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công), nếu không thực hiện “kế hoạch sản xuất”, cũng có thể tự nhập vào “Lệnh sản xuất”. ♦ Khi chính thức sản xuất có thể ghi chép lại lệnh sản xuất dùng NVL vào “phiếu lãnh/trả liệu”(tự tạo trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công). ♦ Sau khi hoàn công, nếu là tự tạo trong nhà máy thì ghi chép dữ liệu nhập kho bằng “Phiếu sản xuất nhập kho”, nếu là ủy thác ngoài gia công thì ghi chép bằng “Phiếu nhập hàng ủy thác”. ♦ Nếu sản phẩm ủy thác ngoài gia công đã nhập kho vẫn có nhu cầu trả hàng, có thể ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”.
❹ Mua sắm	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu nguyên vật liệu không đủ, có thể phát “Phiếu yêu cầu mua hàng/đơn mua hàng”. ♦ Nếu không phải yêu cầu mua theo tính sản xuất hoặc không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể nhập vào “Phiếu nhu cầu mua hàng”. ♦ Nếu xác nhận giá cả sản phẩm mua với nhà cung cấp, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Phiếu duyệt giá”. ♦ Có thể căn cứ theo tình trạng mua hàng khác nhau, có thể tìm nhà cung cấp khác hoặc hỏi giá nhà cung cấp, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép vào “Phiếu hỏi

	<p>giá”</p> <p>hoặc hỏi giá cho nhà máy, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép trong “bảng hỏi giá”.</p> <ul style="list-style-type: none"> ♦ Hỏi giá, so sánh giá, thỏa thuận giá xong, theo nhu cầu song phương có thể ký kết “Phiếu mua hàng theo hợp đồng”. ♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung của đơn mua hàng, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Thay đổi mua hàng”. ♦ Nhà cung cấp nhập hàng vào ngày nhu cầu “Phiếu nhập hàng”. ♦ Sau khi nhập hàng nếu có trả hàng hoặc nhà cung cấp cho chiết khấu, có thể ghi chép bằng “phiếu trả hàng”.
<p>⑤</p> <p>Quản lý kho</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Nhân viên quản lý kho nhận hàng sau khi nhà cung cấp nhập hàng và nhân viên quản lý chất lượng nghiệm thu (Phiếu nhập hàng), nếu sau đó có trả hàng thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng”(xem chi tiết trong “④Chức năng mua hàng”). ♦ Tiếp theo lãnh liệu sản xuất hoặc trả liệu, cũng do kho phụ trách ghi chép hoặc đếm nhận(xem “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”).sau khi sản xuất nhập kho(hoặc ủy thác ngoài nhập hàng) người quản lý chất lượng kiểm nhận xong, cũng do kho đếm nhận nhập kho, nếu có sản phẩm ủy thác ngoài gia công trả lại nhà cung cấp, thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”(xem “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”). ♦ Tiếp theo xuất hàng cho khách hàng hoặc nhận hàng trả từ khách hàng, dữ liệu sẽ ghi chép bằng “Phiếu bán hàng/phiếu trả hàng”(xem “①Chức năng nghiệp vụ”). ♦ Trừ chứng từ trên có thể ảnh hưởng số tồn kho, người quản lý kho có thể nhập “Phiếu biến động tồn kho” theo nhu cầu khác (như:nhập kho khẩn cấp), hoặc chuyển sản phẩm và nguyên vật liệu sang kho khác(Phiếu chuyển phát), hoặc mượn hàng từ nhà cung cấp hoặc cho khách hàng mượn hàng
<p>⑥</p> <p>Tài vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Bộ phận này gồm lập sổ, thu tiền của “①Chức năng nghiệp vụ”, lập sổ, thanh toán của “④chức năng mua hàng”, lập sổ, thanh toán phí ủy thác gia công, quản lý chứng từ đầu tư tuần hoàn của “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”, trong “⑦chức năng quản trị” bộ phận liên quan đến sổ cái kế toán và sau nay tổng hợp đến bộ phận sổ cái kế toán.
<p>⑦</p> <p>Tổng vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Bộ phận liên quan đến tài vụ gồm:lấy được, cải thiện, đánh giá lại, báo phế, đem bán, điều chỉnh, khấu hao và hao mòn tài sản. ♦ Bộ phận không liên quan đến tài vụ gồm:di chuyển, gửi ngoài và thu hồi tài sản.

b. Quan hệ giữa thao tác chức năng thủ quỹ và các mô-đun khác



D. Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng thủ quỹ

Lưu ý: cần học tập trước “thao tác cơ bản”

TT học tập	Xêri khóa học (các kiểu mẫu)	Tên khóa học	Thuyết minh	Đề nghị đọc thời gian	Thời gian toàn bộ hành trình (Phút)
0	Hệ thống quản lý chi phiếu	Bản đồ và hướng dẫn học tập của hệ thống quản lý chi phiếu	Nói rõ để hiểu sự liên hệ giữa các phần hành khác liên quan đến chức năng thủ quỹ	* Trước giờ học	33
1	Hệ thống quản lý sổ kế toán	Tóm tắt hệ thống sổ quản lý sổ kế toán	Hiểu biết các thao tác sổ kế toán	* Trước giờ học	16
2		Thao tác lập dữ liệu cơ bản		* Trước giờ học	58
3		Bài thao tác hàng ngày		Sau giờ học	40
4	Hệ thống quản lý đơn đặt hàng	Thêm và lưu giữ dữ liệu khách hàng		Sau giờ học	36
5	Hệ thống quản lý mua sắm	Thêm và lưu giữ tư liệu nhà sản xuất		Sau giờ học	38
6	Hệ thống quản lý công nợ phải thu	Thao tác phải thu của hệ thống công nợ phải thu		* Trước giờ học	49
7	Hệ thống quản lý công nợ phải trả	Thao tác phải trả của hệ thống công nợ phải trả		* Trước giờ học	62
8	Hệ thống quản lý chi phiếu	Tóm tắt hệ thống quản lý chi phiếu	Thao tác chủ yếu liên quan đến chức năng thu ngân	* Trước giờ học	16
9		Bài thao tác thiết lập dữ liệu cơ bản của hệ thống quản lý chi phiếu		* Trước giờ học	39
10		Bài thao tác gửi rút (tiền) của hệ thống quản lý chi phiếu		* Trước giờ học	37
11		Bài quản lý chứng từ của hệ thống quản lý chi phiếu		* Trước giờ học	73
12		Bài quản lý ngoại hối của hệ thống quản lý chi phiếu		Sau giờ học	20
13		Bài thao tác kết toán cuối tháng của hệ thống quản lý chi phiếu		* Trước giờ học	12
14		Bài quản lý ước tính tiền vốn của hệ		Sau giờ	47

		thống quản lý chi phiếu		học	
15		Bài nhập vào mở sổ của hệ thống quản lý chi phiếu		Sau giờ học	48
16		Bài trình tự chứng từ - chuyển bút toán tự động của hệ thống quản lý chi phiếu		Sau giờ học	41
17		Bài thao tác hệ thống sản sinh bút toán chứng từ của hệ thống quản lý chi phiếu		Sau giờ học	40
18		Bài thao tác hệ thống sản sinh bút toán ngân hàng của hệ thống quản lý chi phiếu		Sau giờ học	43
19	Hướng dẫn cập nhật phiên bản WF GP 2.6 trên mạng	Hướng dẫn cập nhật phiên bản WF GP 2.6 trên mạng-phần chức năng thủ quỹ	Sau khi hiểu chức năng của phiên bản WF GP 2.6 và sự liên quan đến chức năng thủ quỹ	* Trước giờ học	45

Đề nghị: Để đạt hiệu quả học tập tốt hơn, Trước khi học môn học này, nghiên cứu và học tập bài tại “Trang web học tập ERP II DSC”. (<http://elearning.dsc.com.tw/>) và “Đề nghị đọc tại thời điểm=trước lớp”

Chú ý: Tổng số thời gian học tập (13 giờ 13 phút)

E. Thao tác thiết lập dữ liệu cơ bản đầu tiên

a. Thao tác thiết lập tham số tài chính

Vị trí: Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tham số tài chính

Mục đích: Định nghĩa mối tương quan giữa thời gian làm sổ với hệ thống tài chính.

Thiết lập thông số tài chính[Success]

Dặt thông số TK

Chế độ kỳ kế toán

☒ 12 kỳ

☐ Kỳ

Năm hiện hành kế toán 2007

Loại kỳ kế toán hiện tại 08

Năm đóng khoan kế toán 2007

Loại kỳ kế toán đóng sổ 07

YY/MM hiện tại tiền gửi NH 2007/08

YY/MM hiện tại phải thu 2007/08

YY/MM đóng sổ 2007/07

YY/MM hiện tại A/P 2007/08

YY/MM đóng sổ phải trả 2007/07

YY/MM hiện tại tiền vật 2007/08

YY/MM hiện tại thuế doanh thu 2007/08

☒ Quan lý dự toán

Pháp phân loại mục dự toán 1 Accounting

OK Hủy bỏ

Browse 127.0.0.1 - 211

b. Thao tác thiết lập tỷ giá

Vị trí: Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tỷ giá

Mục đích: Trước khi thao tác cần thiết lập tiền tệ mà hệ thống cần sử dụng đến

Thao tác lập hối suất loại tệ[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại tệ USD

Tên tiền tệ US dollar

Lấy vị đơn giá 3:Thập phân 3 vị

Lấy GT đơn vị 4:Thập phân 4 vị

Lấy vị số tiền 2:Thập phân 2 vị

Lấy GT 2:Thập phân 2 vị

Chú ý

Ngày BpCGT	Hối suất mua ngân hàng	Hối suất bán ngân hàng	Hối suất mua thông quan	Hối suất bán thông quan
2007/06/10	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/09	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/08	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/07	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/06	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/05	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/04	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/03	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/02	33.3	33.5	33.3	33.5
2007/06/01	33.3	33.5	33.3	33.5

Số môn DL nội dung: 37 127.0.0.1 - 211

c. Thao tác thiết lập tổ chức tài chính

Vị trí: Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tổ chức tài chính

Mục đích: Thiết lập dữ liệu cơ bản của các kết cấu của cơ cấu tài chính liên quan.

Thao tác lập cơ cấu tài chính[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã số cơ cấu tài chính 0081876

Loại cơ cấu tài chính 1:NH nước này

Tổng của cơ cấu tài chính

Khu vực cơ cấu tài chính

Chi nhánh cơ cấu tài chính

Tên cơ cấu tài chính Hua Nan Bank

Số ngày vào sổ 0

127.0.0.1 - 211

d. Thao tác thiết lập dữ liệu nhà cung cấp

Vị trí: Hệ thống quản lý mua hàng \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu nhà cung cấp

Mục đích: Ghi chép dữ liệu cơ bản của nhà cung cấp.

Lập dữ liệu NM cung cấp[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

DL cơ bản Giao dịch Dữ liệu QC Xem DL

MS nhà máy 1001 MS TN 16892457

Tên tắt DSC Kiểu in bằng chứng 2:Tiền Anh PB

Tên do Cty Data Systems Consulting Co., Ltd. Ngày CN NM

Tình trạng KT 1:Đã xét duyệt

ĐT (1) 886-2-82186789

ĐT (2)

Số FAX

E_MAIL

Người phụ trách Mr. Sun

Ngày khai trương

Số vốn 0 10 nghìn

NV liên lạc (1)

NV liên lạc 2

NV liên lạc 3

Người mua 401 Judy

FAX NO(Kế toán)

Mục Gdịch

Chú ý

Phân loại nhà máy 901 Ironware

Số người CNV 0

Tiền tệ giao dịch NTD NT dollar

Pháp tính thuế

Tinh số liệu ca trang

Tinh số liệu một bút toán

127.0.0.1 - 211

e. Thao tác thiết lập dữ liệu khách hàng

Vị trí: Hệ thống quản lý đơn đặt hàng \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu khách hàng

Mục đích: Ghi chép dữ liệu cơ bản của khách hàng.

The screenshot shows a software window titled "Lập dữ liệu KH[Success]" with a menu bar (DL (D), Tác dụng(F), Thoát (X)) and a toolbar. The main area contains several input fields and tabs. The "DL cơ bản" tab is active, showing fields for customer information: MS KH (1001), Tên tắt KH (Globe), PB, Tên đầy đủ KH (Globe Co., Ltd.), Ngày kiểm tra KH (//), and Tên đại tiếng Anh KH (Globe Co., Ltd.). Below these are tabs for "Dữ liệu cơ bản", "DL GD 1", "DL GD 2", "Mức TD", "Dữ liệu nước ngoài", and "Xem DL". The "Dữ liệu cơ bản" section includes fields for "Người phụ trách" (Mark Wang), "NV liên lạc" (Jack Lee), "ĐT (1)" (96671688), "ĐT (2)", "Số FAX", "E-Mail", "MST" (43245552), "Số vốn" (80,000 / 10 nghìn), "SL KD ca năm" (0 / 10 nghìn), "Số người CNV" (2,000 / Người), "Số của hàng mẹ", "Tiền tổng Cty xin", "QL MS Hò theo tên tổng Cty", "ĐPH kế ước có phải thuộc tổng Cty", "Số chi nhánh" (0), "Tiền tệ giao dịch" (NTD), "Mức bỏ mẫu" (30 / Sales department), "NVV" (303 / Milton), "NV thu tiền" (303 / Milton), "Ngày khai trương" (//), and "Ngày ngừng KD" (//). The status bar at the bottom shows "127.0.0.1 - 211".

f. Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng

Vị trí: Hệ thống quản lý chi phiếu \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng

Mục đích: Lập dữ liệu cơ bản giữa công ty với ngân hàng.

The screenshot shows a software window titled "Bank Account No. Create Activity[Success]" with a menu bar (Data(D), Function(F), Exit(X)) and a toolbar. The "General(1)" tab is active, showing fields for bank account information: Bank Code (1102-1007), Reserve Account (checkbox), Bank No. (0070000), A/C No. (999-999-999), Bank Abbr. (The First Bank), Deposit Type (1.Saving Account), Bank Name (The First Bank), Account of the bank account (1102-1007 / The First Bank), Contact (Vicky Lee), Tel. No., FAX_NO, VAT Code /ID No., Remark, A/C Name (Vicky Lee), and Addr. Below these fields is a table with the following data:

Currency	Trans. Curr. Dep. Banl.	Change Home Curr. Deposit Balance
NTD	443,483	443,483
USD	3,000	99,300

The status bar at the bottom shows "Number of Body Files: 2" and "127.0.0.1 - 211".

g. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

Vị trí: Hệ thống quản lý chi phiếu \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

Mục đích: các loại chứng từ và tính chất mà thiết lập mà “Hệ thống quản lý chi phiếu” cần sử dụng.

GP Thiết lập tính chất CT [Success]
DL (D) Tác dụng(F), Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại CT: 810

Tên CT: Deposit Note

Tên đầy đủ CT: Deposit Note

Tính chất CT: 81:CT gửi tiền

Ppháp ghi số: 1:Nkỹ

Mã số năm: 2

MS liên tiếp: 3

Hình thức MS: YYMMDD999

☐ Hạn chế nhập User

☐ FEDI

Nguồn hồi suất: 1:Hối suất mua ngân hàng

☒ Chấp nhận tự động ☐ In tự động

Mã số ghi chú: ☐ In ghi chú mỗi trang

☐ Sửa chữa ghi chú khi in

Mã xét duyệt: ☐ In xét duyệt mỗi trang

☐ Sửa chữa xét duyệt khi in

Chú ý:

Hình thức CT:

☐ Chọn hình thức CT khi in ☐ In tổng cộng mỗi trang

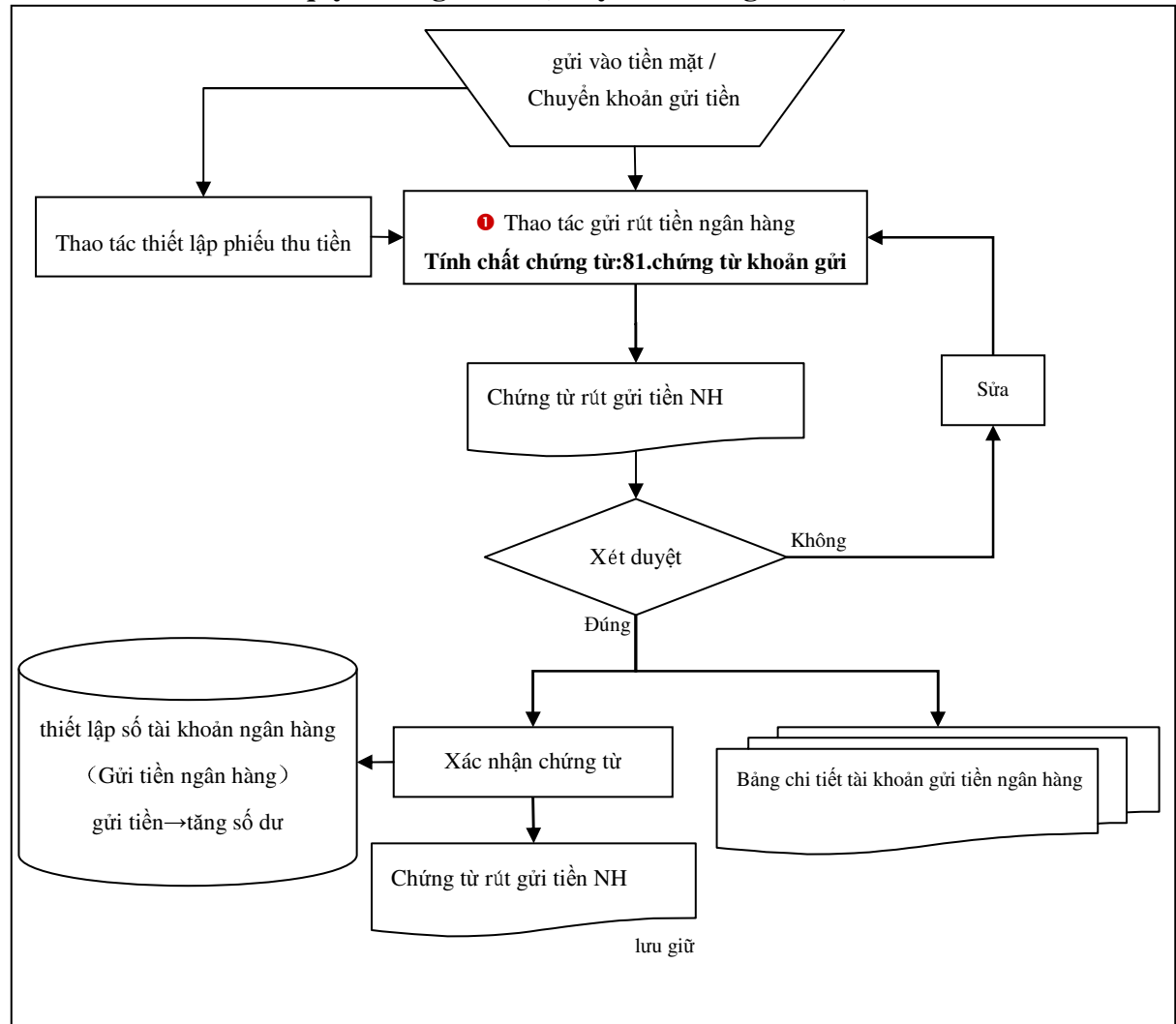
127.0.0.1 - 211

Ghi chú: Các thao tác chi tiết và ví dụ cụ thể về dữ liệu cơ bản xin xem giáo trình của “Hệ thống quản lý chi phiếu \ bài dữ liệu cơ bản của Hệ thống quản lý chi phiếu”.

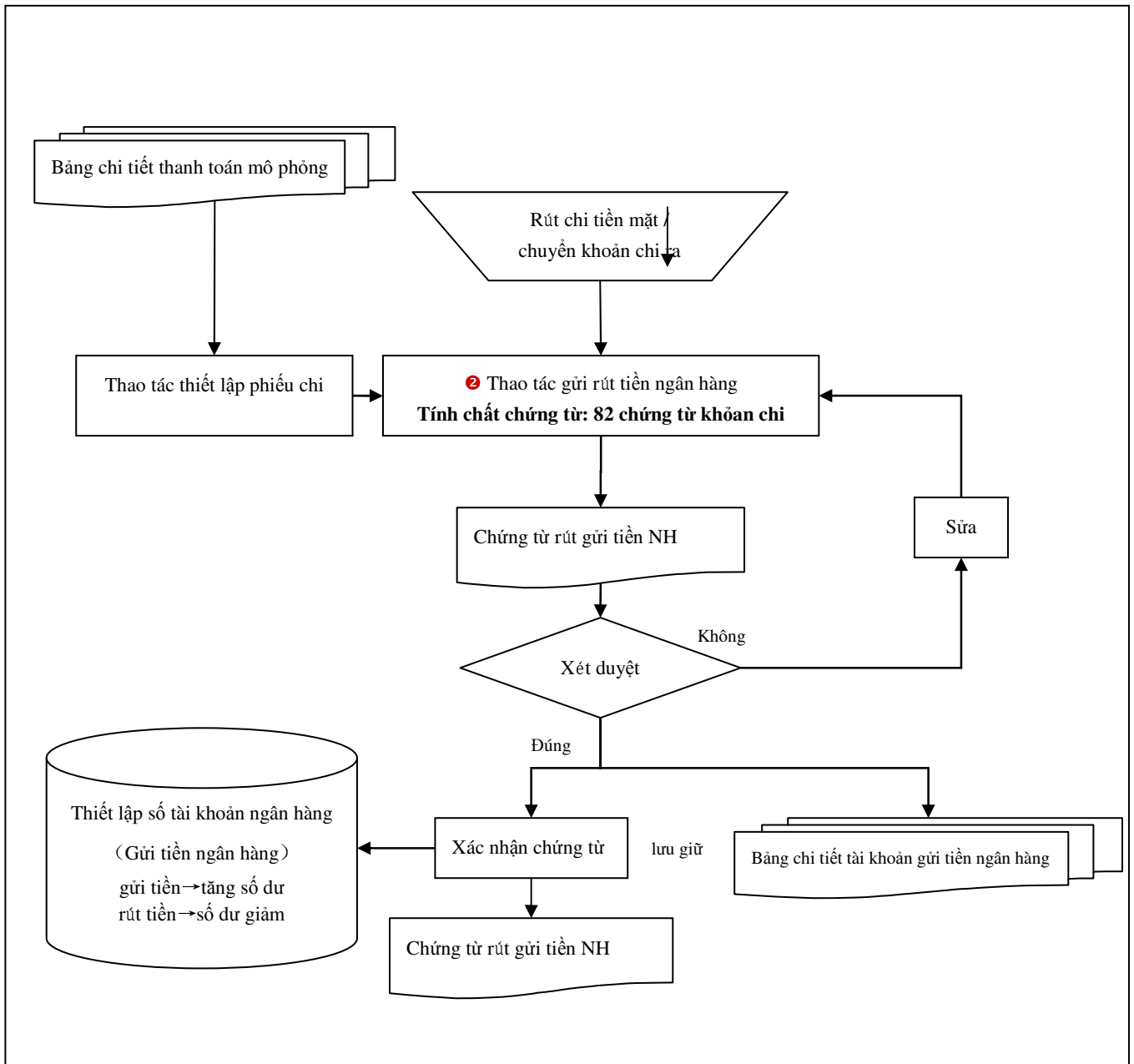
F.Giải thích các quy trình

a.Quy trình rút gửi tiền ngân hàng

1.Giải thích quy trình gửi tiền (chuyển khoản gửi tiền)



2. Giải thích quy trình rút tiền (chuyển khoản chi tiền)



❶ Kiểu phát sinh chứng từ gửi tiền:

① Nhập bằng tay.

② Trong “Hệ thống quản lý công nợ phải thu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu thu tiền”, nhập “số chứng từ gửi tiền” vào “số đơn tham khảo” trước, sau đó bấm F2 thì có thể thêm phiếu gửi tiền mới.

❷ Kiểu phát sinh chứng từ rút tiền:

① Nhập bằng tay.

② Trong “Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi” ,nhập “số chứng từ rút tiền” vào “số đơn tham khảo” trước, sau bấm F2 thì có thể thêm phiếu rút tiền.

③ Có thể thông qua “Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Thao tác hàng loạt\ Thao tác phát sinh hàng loạt phiếu rút tiền”, theo “phiếu chi tiền” thực hiện phiếu rút tiền tương ứng.

④ Có thể thông qua “Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Thao tác hàng loạt\ Thao tác tự động thanh toán”, thực hiện “phiếu chi tiền”, đồng thời cũng thực hiện phiếu rút tiền tương ứng.

⑤ Có thể thông qua “hệ thống quản lý lãnh tiền \ Thao tác hàng loạt \ thao tác PS CT rút tiền”, theo “phiếu chuyển”, “giấy xin phép vay” và “giấy xin phép chi phí” thực hiện phiếu rút tiền tương ứng.

Ghi chú: Xin xem chi tiết giáo trình “Hệ thống quản lý chi phiếu \ bài thao tác rút gửi của hệ thống quản lý chi phiếu”.

3. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Ví dụ mẫu 1: gửi tiền (tiền mặt)
- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác rút gửi tiền ngân hàng
- ♦ Giải thích ví dụ: gửi NT\$500.000 tiền mặt vào tài khoản “1102-1007 The First Bank”.

Chi tiết | Xem DL

1. Loại đơn gửi và lấy: 810 Deposit Note

Số đơn gửi và lấy: 070801001

2. Ngày CT: 2007/08/01

3. MS NH: 1102-1007

Tên tắt NH: The First Bank

TK: 999-999-999

4. Loại tệ: NTD Hối suất: 1

Mục tiền gửi ngân hàng: 1102-1007

Tên mục: The First Bank

Chứng thực: Lần gửi: 0

MS CT: In: 0

Ngày gửi và lấy: 2007/08/01

Người CN: DS System Administrator

PS mã mục chi

Chú ý: Trạng thái xét: N Không chấp hành xét duyệt

STT	Mã loại	Loại tệ	Hối suất	AMT	Đối tượng chuyển t...	MS đối tượng...	Tên tắt đối tượng	MS NH	TK NH
0001	1: Tiền mặt	NTD	1	500,000	1.Cty				

5. 4. 6.

Tổng cộng tệ cũ: 500,000 Tổng số nội tệ: 500,000

Số mẫu DL nội dung: 1 1: Tiền mặt 127.0.0.1 - 211

STT	Mục đối tác	Tên mục	Mã bộ môn	Tên bộ môn	Cước phí	Chịu cước phí	Thống kê nội tệ	Chú ý
0001					0	1.Người nhận t	500,000	

6.

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Thông qua phương thức “tạo mới” nhập một chứng từ, cần lập một mã phiếu “tính chất chứng từ” mang số “81.chứng từ tiền gửi” trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Ngày CT”.
3. Nhập “Mã ngân hàng”(cần thiết lập dữ liệu tài khoản trước “Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng”), do hệ thống lấy dẫn các dữ liệu như: tên tắt, mã TK, mã TK kế toán v.v.
4. Nhập “loại tiền tệ”, hệ thống sẽ lấy dẫn “tỷ giá ngân hàng mua vào” gần nhất (cần lập dữ liệu tỷ giá trước “Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tỷ giá”), có thể sửa chữa, di chuyển dấu sáng đến thân đơn rồi

sửa loại tiền và tỷ giá đã đặt.

5. Ở thân đơn “mã loại” chọn “1: tiền mặt”.
6. Nhập “số tiền”, hệ thống sẽ tính thành “tổng số tiền nội tệ” theo “tỷ giá” của ngoại tệ này.
7. Lưu chứng từ, thực hiện thao tác xét duyệt, sau xét duyệt trên chứng từ sẽ có chữ đỏ “CONFIRM”. Có thể xem xét số dư tiền gửi trong “Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng” .

- ♦ Ví dụ mẫu 2: chuyển khoản chi tiền (rút tiền)
- ♦ Địa chỉ thao tác: Hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác rút gửi tiền ngân hàng
- ♦ Giải thích ví dụ: sử dụng TK “1102-1007 The First Bank” thanh toán cho nhà cung cấp “1017 Yang ming” NT\$35,000 bằng kiểu gửi tiền.

Chi tiết | Xem DL

1. Loại đơn gửi và lấy: 820 Withdrawal Note

Số đơn gửi và lấy: 070805001

2. Ngày CT: 2007/08/05

3. MS NH: 1102-1007

Tên tít NH: The First Bank

TK: 999-999-999

4. Loại tệ: NTD Hối suất: 1

Mục tiền gửi ngân hàng: 1102-1007

Tên mục: The First Bank

Chứng thực: [] Lần gửi: 0

MS CT: [] In: 0

Ngày gửi và lấy: 2007/08/05

Người CN: DS System Administrator

PS mã mục chi: []

Chú ý: []

Trạng thái xét: N Không chấp hành xét duyệt

STT	Mã loại	Loại tệ	Hối suất	AMT	Đối tượng chuyển t...	MS đối tượng...	Tên tít đối tượng	MS NH	TK NH
0001	2:Chuyển số	NTD	1	35,000	2.NM	1017	Yang ming	0095529	59077655007901

5. 6. 7. 8.

Tổng cộng tệ cũ: 35,000 Tổng số nội tệ: 35,000

Số môn DL nội dung: 1 2:Chuyển số 1017 Yang ming 127.0.0.1 - 211

STT	Mục đối tác	Tên mục	Mã bộ môn	Tên bộ môn	Cước phí	Chịu cước phí	Thống kê nội tệ	Chú ý
0001	2143-0000	Accounts Payable			17	2.Người nhận tiền chưu	35,017	

8. 9. 10.

- ♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng “tạo mới”, cần lập một mã phiếu “tính chất chứng từ” mang số “82.chứng từ rút tiền” trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.

2. Nhập “Ngày CT”.
3. Nhập “Mã ngân hàng” (cần lập dữ liệu mã TK trước khi “Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng”), do hệ thống lát dẫn các dữ liệu như: tên tắt, mã TK, mã TK kế toán v.v.
4. Nhập “loại tiền tệ”, hệ thống sẽ dẫn lấy “Tỷ giá ngân hàng bán ra” gần nhất (cần thiết lập dữ liệu tỷ giá trước “Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tỷ giá”), có thể sửa chữa, di chuyển dấu sáng đến thân đơn rồi sửa loại tiền và tỷ giá đã đặt.
5. Ở “mã loại” của ND chọn “2: chuyển khoản”.
6. Nhập “số tiền” chuyển khoản.
7. Chọn “đối tượng chuyển khoản” là “2. nhà cung ứng”.
8. Sau đó trong “mục đối tác” bấm F2 mở cửa chọn “mã NCC”, hệ thống sẽ lấy dẫn “MS ngân hàng/TK ngân hàng”, “TK kế toán tương ứng /tên TK kế toán” từ dữ liệu đã tạo trong “Thao tác thiết lập dữ liệu nhà cung cấp”, nếu tài khoản này quản lý theo bộ phận, còn phải nhập “mã/tên bộ phận”.
9. Nhập “cước phí” và chọn “chịu phí thủ tục”.
10. Nếu “chịu phí thủ tục = 2. người trả tiền chịu”, hệ thống sẽ theo “tỷ giá” loại tiền tệ này nhân “số tiền”, cộng “cước phí” tính “Tính số tiền nội tệ”.
11. Lưu chứng từ, thực hiện thao tác xét duyệt, sau khi xét duyệt trên chứng từ sẽ có chữ đỏ “CONFIRM”. Có thể xem xét số dư tiền gửi trong “Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng”.

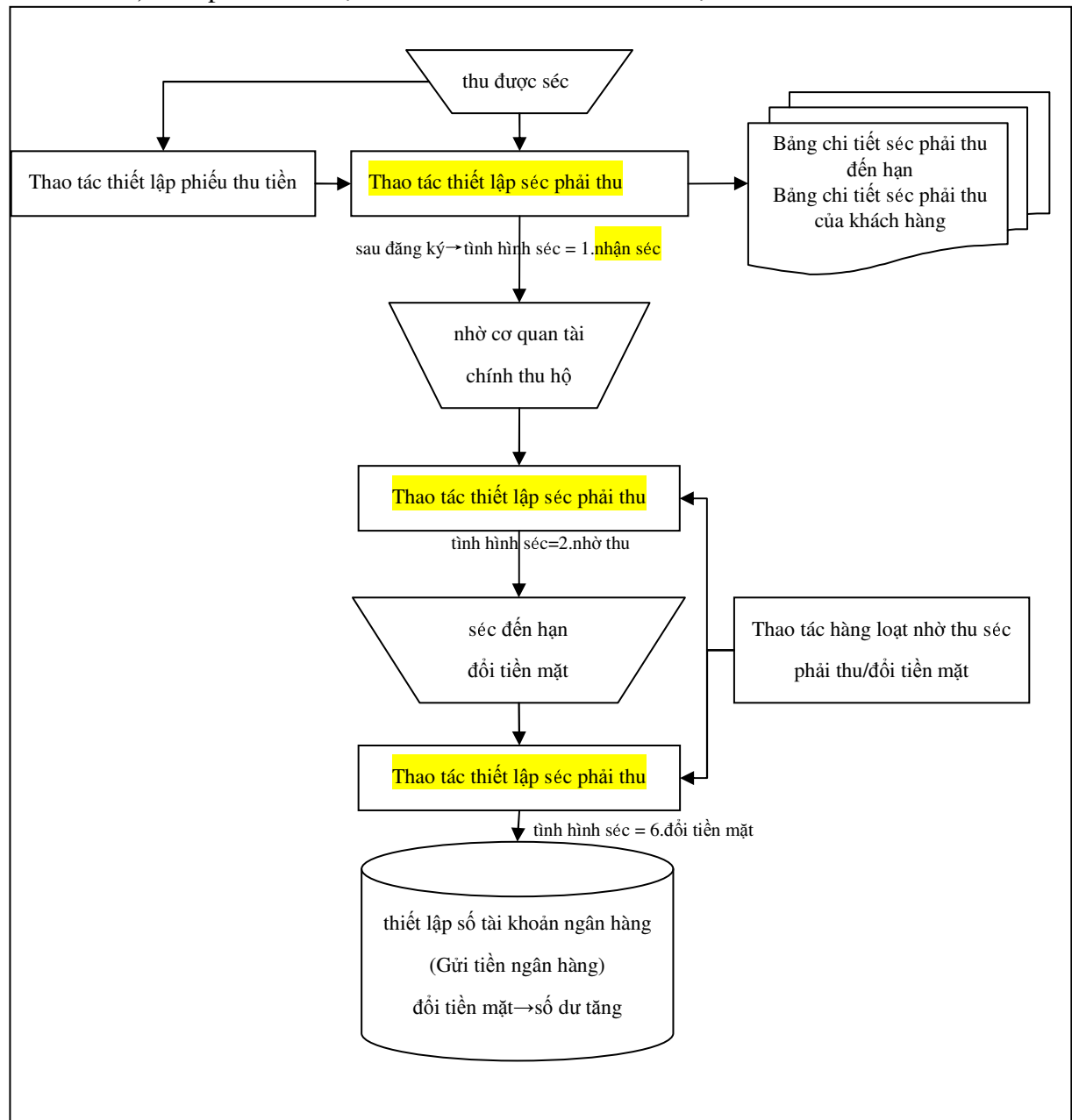
Bài luyện tập:

1. Ngày 8 tháng này thu được tiền gửi NT\$50,000 của khách hàng “1008 Fu-Hsing Co., Ltd.”, khoản tiền này chuyển vào TK “1102-1007 The First Bank”, cước phí do khách hàng thanh toán.
2. Ngày 12 tháng này rút tiền mặt NT\$10,000 từ tài khoản “1102-1007 The First Bank” làm tiền chi vật.

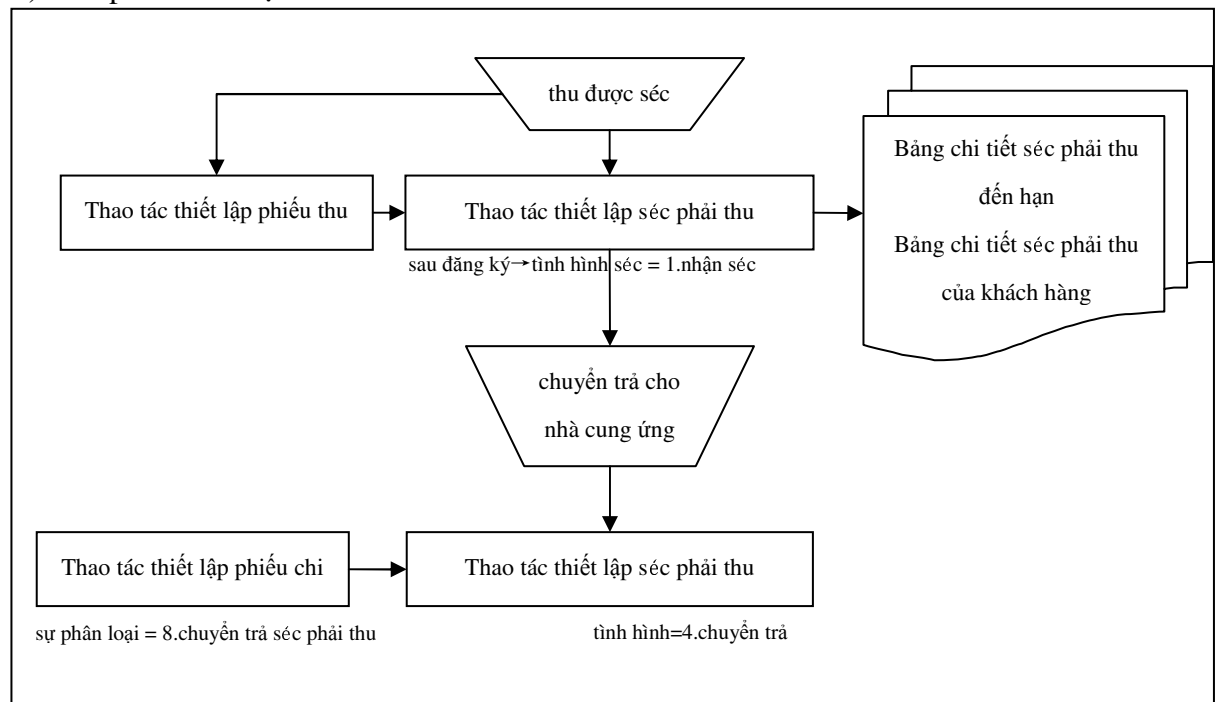
b. Quy trình quản lý phiếu séc phải thu

1. Giải thích quy trình

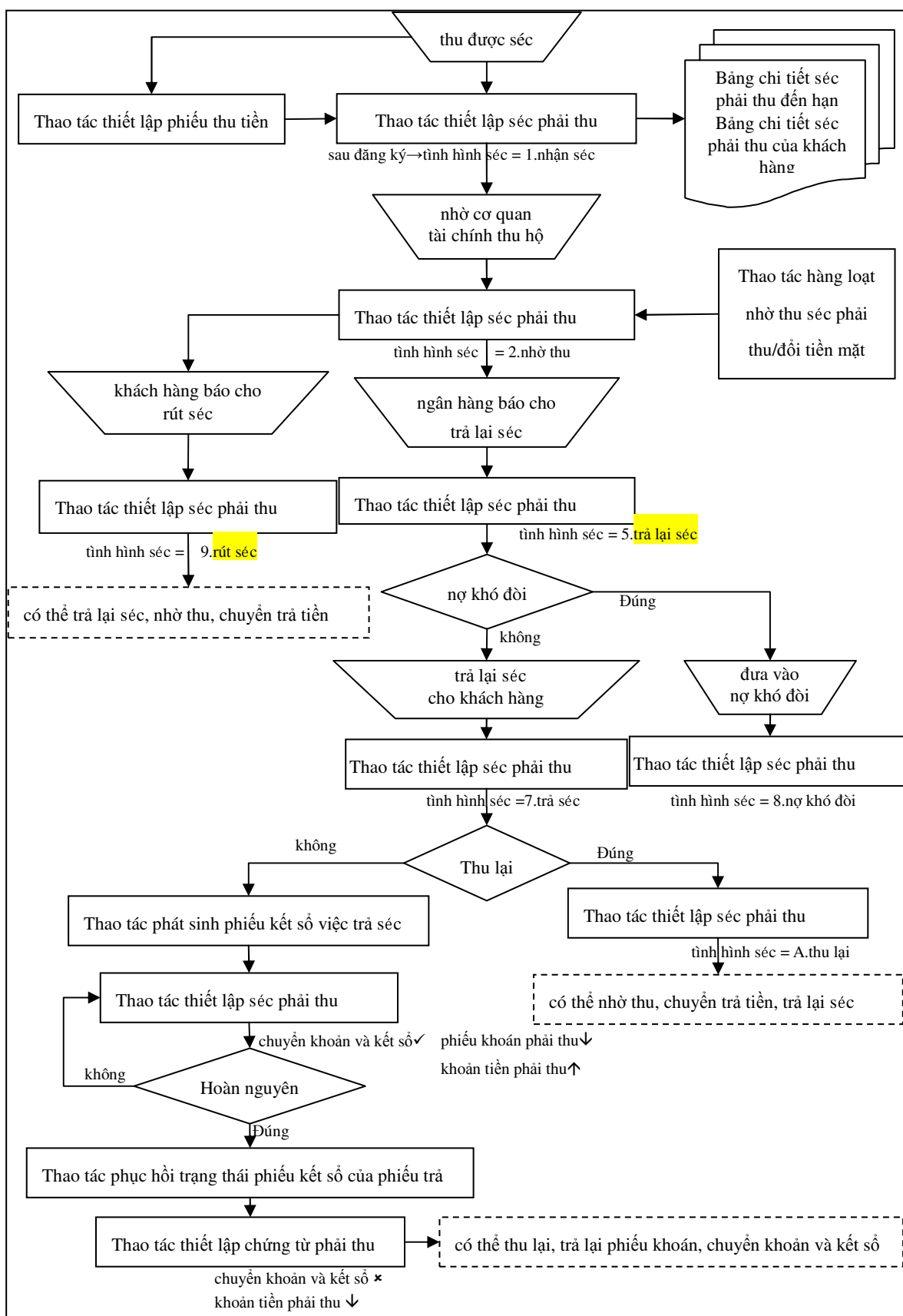
1). Séc phải thu: nhận séc → nhờ thu → đổi tiền mặt



2). Séc phải thu: nhận séc → đem trả tiền



3). Séc phải thu: nhận séc → nhờ thu/ rút séc lại → trả séc về → hoàn lại séc / ghi nợ khó đòi → kết sổ séc / phụ hồi → thu lại lần nữa



Ghi chú: Nếu sau khi thực hiện “Thao tác phát sinh phiếu kết sổ việc trả séc”, tấm séc nguyên thủy vẫn thực hiện thu lần nữa, thì có thể thực hiện “thao tác hoàn nguyên hiểu

kết sổ” để hoàn nguyên séc.

Ghi chú: Xin xem giáo trình “hệ thống quản lý chứng từ tiền vốn \ bài quản lý chứng từ của hệ thống quản lý chứng từ tiền vốn ”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Ví dụ 1: nhận séc → nhờ thu → đổi tiền mặt
- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập **séc** phải thu
- ♦ Thuyết minh ví dụ: vào ngày 8 thu được một séc của khách hàng “1009 United Co., Ltd.”, số séc là “QL3659611”, số tiền là NT\$42,000.

Bước 1: nhận séc

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một món dữ liệu bằng “**tạo mới**”, không cần thiết lập dữ liệu trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “MS KH”, hệ thống sẽ lấy dữ liệu đã thiết lập trong “thao tác thiết lập dữ liệu khách hàng” theo khách hàng, đưa ra “Ngân hàng thanh toán /số tài khoản” và “Chứng từ/tài khoản đối ứng” đã lập trước.
3. Nhập “ngày nhận séc”.
4. Nhập “số phiếu”, “loại tiền tệ”, “tỉ giá” và “số tiền trên séc”.

5. Nhập “ngày đáo hạn”, “số ngày vào sổ” sẽ thiết lập “ngân hàng thanh toán” đúng với “số ngày vào sổ” của “Thao tác thiết lập tổ chức tài chính”, hệ thống sẽ “ngày đáo hạn” cộng “số ngày vào sổ” mà tính ra “ngày dự đổi” (có thể trừ ngày nghỉ phép của “loại nghề=2.ngân hàng” trong “Thao tác thiết lập lịch làm việc”).
6. Thay đổi đến “trang:dữ liệu thu tiền”, “số phiếu thu” có thể đưa ra dữ liệu(có thể in phụ trợ “Hệ thống quản lý công nợ phải thu \ Bảng kê với bảng chi tiết phải trả \ Bảng chi tiết CT thu tiền”).
7. Sau sẽ lưu dữ liệu, lưu xong có thể theo dõi séc này đã là trạng thái “1:CT thu phiếu” trong “tình trạng chứng từ”, và cũng có thể theo dõi mọi lần thay đổi của séc tại thân đơn, nếu sau chuyển tạo chứng từ kế toán, cũng có thể xem được mã số chứng từ kế toán tương ứng.

Bước 2: Nhờ thu

Lập CT phải thu[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

MS KH 1009 Ngày nhận phiếu 2007/08/08 <WED>
Tên tài KH UND NH TT 0081234

DL CT DL thu tiền Xem DL

Số phiếu QL3659611 Số ngày vào sổ 3
Loại tệ NTD Ngày dự đổi 2007/10/11 <THU>
Hối suất 1 Chung loại CT
Số tiền trên sổ 42,000 Đơn khách Mã nhờ thu
Ngày oH 2007/10/08 <MON> **3** Tình trạng CT hiện tại 2:D/A
Tài khoản tra tiền 900822450125466 MS CT TT
Tên NH Hua Nan Bank Chuyển kết tiền khoản

STT	Ngày Bp	Mục điều động	Hối suất	Chứng thực	MS CT	PS mã mục chủ
0001	2007/08/08	1:CT thu	1			
0002	2007/10/08	2:D/A	1			

3

Số môn DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

GP Lập CT phải thu[Success]

MS NH nhờ thu	1102-1007	\$
Tên NH	The First Bank	
TK NH	999-999-999	
Ngày nhờ thu	2007/10/08	31
Hối suất	1	\$

2

3

DL CT **DL thu tiền** Xem DL

Mã bộ môn

MS CT thu tiền 630 070808001 MS NVV

Mục CT 1141-0000 Notes Receivable-gingging


Mục đối tác 1144-0000 Accounts Receivable-gingging

Chú ý Loại tệ tiền phải thu tục Cước phí 0

3

NH nhờ thu/thẻ chấp	1102-1007	The First Bank	999-999-999
Nhà máy chuyển trả	<input type="text"/>		

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Bấm phím “nhờ thu”  trong hàng công cụ.
2. Hệ thống sẽ mở cửa sổ khác, nhập “MS ngân hàng nhờ thu”, “ngày nhờ thu” và “tỉ giá”.
3. Bấm phím “OK”, có thể theo dõi séc này đã thành trạng thái “2:nhờ thu” trong “tình trạng chứng từ”, và cũng có thể theo dõi mọi lần thay đổi “2:nhờ thu” của séc tại thân đơn, nếu sau đó chuyển tạo chứng từ kế toán, cũng có thể xem được mã số chứng từ kế toán tương ứng. Cũng có thể sử dụng “trang: dữ liệu thu tiền” theo dõi khi đổi tiền mặt nhập vào tài khoản.

Bước 3: Đổi tiền mặt

GP Lập CT phải thu[Success]
DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

MS KH: 1009 Ngày nhận phiếu: 2007/08/08 <WED>
Tên tài KH: UND NH TT: 0081234

DL CT DL thu tiền Xem DL


Số phiếu: QL3659611 Số ngày vào sổ: 3
Loại tệ: NTD Ngày dự đổi: 2007/10/11 <THU>
Hối suất: 1 Chung loại CT:
Số tiền trên sổ: 42,000 Đơn khách Mã nhờ thu
Ngày ôH: 2007/10/08 <MON> **3** Tình trạng CT hiện tại: 6:Đổi
Tài khoản tra tiền: 900822450125466 MS CT TT:
Tên NH: Hua Nan Bank Chuyển kết tiền khoản

STT	Ngày Bp	Mục điều động	Hối suất	Chứng thực	MS CT	PS mã mục chủ
0001	2007/08/08	1:CT thu	1			
0002	2007/10/08	2:D/A	1			
▶ 0003	2007/10/11	6:Đổi	1			

3

Số môn DL nội dung: 3 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Bấm phím “đổi tiền mặt”  trong hàng công cụ.
2. Hệ thống sẽ mở cửa sổ khác, nhập “ngày đổi”, “tỉ giá”, “loại tiền tệ phí thủ tục” và “cước phí”.
3. Bấm phím “OK”, có thể theo dõi séc này đã thành trạng thái “6: Đổi tiền mặt” trong “tình trạng chứng từ”, và cũng có thể theo dõi mọi lần thay đổi “6: Đổi tiền mặt” của séc tại thân đơn,, nếu sau chuyển tạo chứng từ kế toán, cũng có thể xem được mã số chứng từ kế toán tương ứng. Cũng có thể theo dõi việc tăng số dư tiền gửi tài khoản nhờ thu sau khi séc này đổi tiền mặt trong “thao tác thiết lập số TK ngân hàng”.

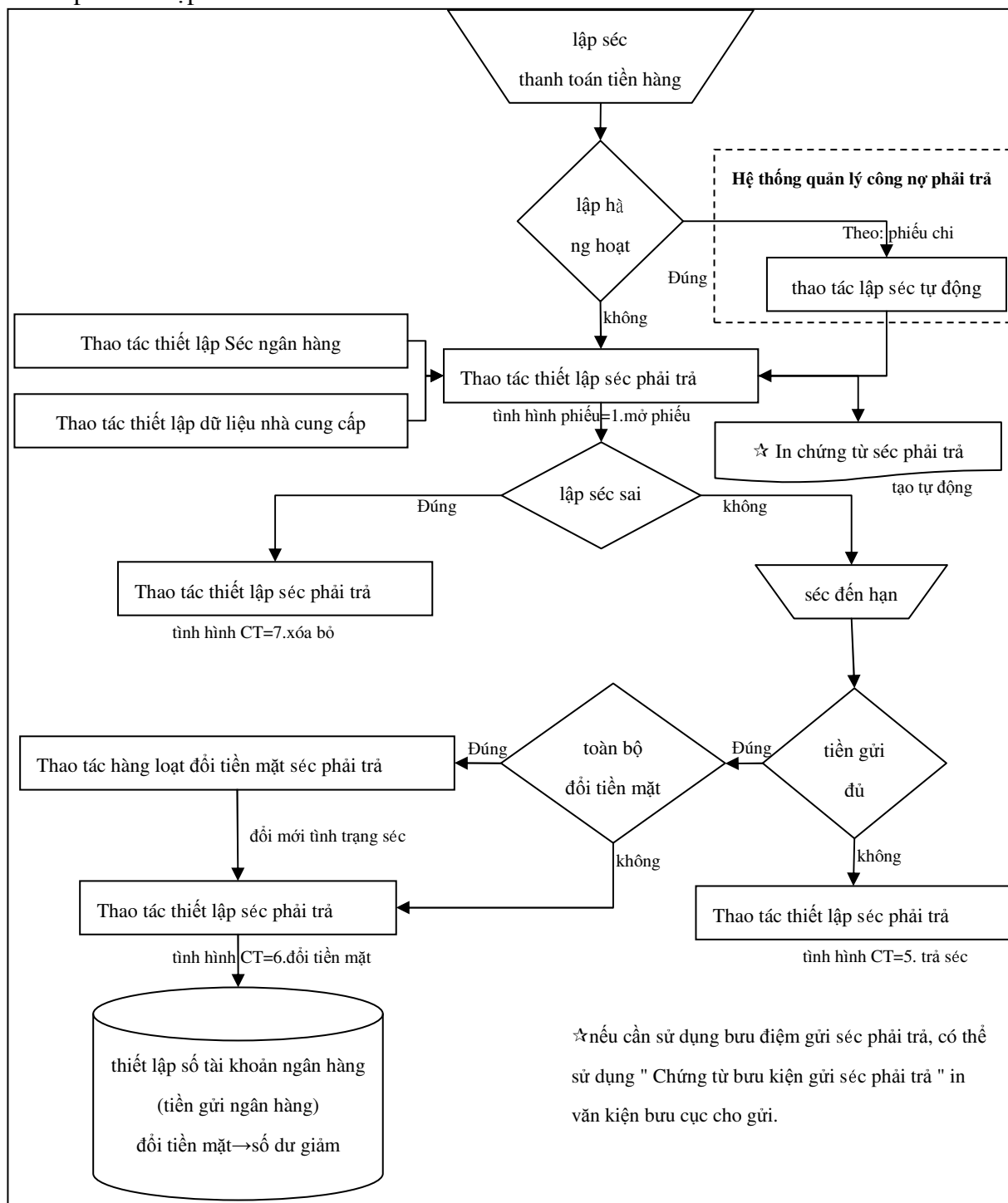
Luyện tập:

1. Ngày 8 tháng này thu được séc NT\$60,000 của khách hàng “1008 Fu-Hsing Co., Ltd.”, MS CT là ngày đến hạn của séc là ngày 10 tháng sau (xin bạn học nhập), trước 2 ngày đến hạn nhờ thu séc đến tài khoản “1102-1007 The First Bank”, ngoài ra séc này sẽ đổi tiền mặt tại ngày đến hạn.

c. Quy trình quản lý séc phải trả

1. Giải thích Quy trình

Séc phải trả: lập séc → xóa bỏ/đổi / trả séc



Ghi chú: xin tham khảo giáo trình “Hệ thống quản lý chi phiếu \ bài quản lý chứng từ của hệ thống quản lý chi phiếu”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Phương thức 1: thao tác tự động lập séc
- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Thao tác hàng loạt \ Thao tác tự động lập séc
- ♦ Giải thích ví dụ: Vào ngày 5 thanh toán tiền hàng nhà sản xuất “1018 cty Olive” bằng séc , số tiền là NT\$63,500, séc này sẽ đến hạn sau 2 tháng.

Bước 1: Xác nhận phiếu chi (phiếu chi cần phải xác nhận mới có thể thực hiện “Thao tác tự động lập séc”)

The screenshot shows a software window titled "Lập đơn trả tiền[Success]". It contains a form for entering payment order details. The form includes fields for "Loại đơn trả tiền" (730), "Số đơn trả tiền" (070805001), "Ngày CT" (2007/08/05), "MS nhà máy" (1018), "Olive", "NM" (001), "Taipi", "Chú ý", "Loại tệ" (NTD), "In" (0), "Lần gửi" (0), "Trạng thái xét" (N:Không chấp hạn xét duyệt đi), "MS CT thu tiền", "MS KH", "Khấu trừ đơn thu tiền", "Ngày TT" (2007/08/05), "Người CN" (DS), and "System Administrator". A red "CONFIRM" button is visible. Below the form is a table with columns: STT, Cho vay/vay, Loại, Loại đơn ngu..., MS CT nguồn, Mục kế toán, Tên mục, Mục bộ môn, Tên bộ môn, and Loại tệ. The table contains two rows: 0001 D.Vay 1:Thường 1102-1001 Hwa Nan Bank and 0002 C.Cho vay 2:CT phải trả 2141-0000 Notes Payable. At the bottom, there are summary fields for "Tất", "Tiền bên vay nguyên tệ" (63,500), "Tiền bên vay nội tệ" (63,500), "Tiền bên cho vay" (63,500), and "Chênh lệch" (0). The status bar at the bottom shows "Số môn DL nội dung: 2" and "127.0.0.1 - 211".

STT	Cho vay/vay	Loại	Loại đơn ngu...	MS CT nguồn	Mục kế toán	Tên mục	Mục bộ môn	Tên bộ môn	Loại tệ
0001	D.Vay	1:Thường			1102-1001	Hwa Nan Bank			NTD
0002	C.Cho vay	2:CT phải trả			2141-0000	Notes Payable			NTD

Bước 2: kiểm tra và xem lại “Thao tác thiết lập cuốn Séc ngân hàng” (rõ ràng trạng thái sử dụng của cuốn séc)

The screenshot shows a software window titled "Lập sổ séc ngân hàng[Success]". It contains a form for entering bank check book details. The form includes fields for "MS NH" (1102-1007), "Tên tắt NH" (The First Bank), "TK NH" (999-999-999), "Mã TT sử dụng" (1), "Mã số séc đầu" (BS7799000), "Mã số séc hết" (BS7799009), "MS séc đã dùng", "Trạng thái sử dụng" (1.Có thể dùng), and "Chú ý". A red box highlights the "Mã TT sử dụng", "Mã số séc đầu", "Mã số séc hết", and "MS séc đã dùng" fields. A red circle with the number 3 is next to the "MS séc đã dùng" field. The status bar at the bottom shows "127.0.0.1 - 211".

Bước 3: thực hiện “Thao tác tự động lập séc

Thao tác lập đơn tự động[Success]

Mục chọn cơ bản Mục chọn HT

1 Chọn MS NH \$

Chọn mã số nhà máy

2 Từ 1018

Đến 1018

Chọn tiền tệ kết chuyển \$

Chọn phiếu trả tiền

Chọn thứ tự 1.NM+MS phiếu trả tiền

Chọn MS phiếu trả tiền

Từ

Đến

3 Chọn ngày trả tiền 2007/08/05 31

Chọn trạng thái CN Tất

Dùng STT khi chọn số séc


4

MS nhà máy	Tên tắt NM	ĐK TT	STT MS phiếu trả tiền	Ngày T
<input checked="" type="checkbox"/> 1018	Olive		730 -070805001 -0002	2007/0

Tất cả Bỏ chọn tất cả

5 Chu định NH lập phiếu cho MS NH phiếu trả tiền để trống 1102-1007 The First Bank

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nếu trong “Thao tác thiết lập phiếu chi”, khi chỉ định “mã số ngân hàng”, thì tại đây điều kiện để chọn này cần phải hợp với dữ liệu ngân hàng trong phiếu chi.
2. Chọn lập séc cho đối tác nào.
3. Chọn ngày xác nhận phiếu chi và trạng thái xác nhận.
4. Sau khi bấm phím , có thể xem được dữ liệu trả tiền cho các nhà cung cấp phù hợp với điều kiện chọn.
5. “mã số ngân hàng” trong phiếu chi là trống, có thể chọn mã số ngân hàng lập phiếu.

Bước 4: kiểm tra kết quả thực hiện

Lập CT phải trả[Success]
DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

MS nhà máy 1018 Ngày lập đơn 2007/08/05 <SUN>
 Tên tắt NM Olive NH TT 1102-1007
 Tên đầy đủ NM Olive Co., Ltd.

DL CT DL tra tiền Xem DL

Số phiếu ES7799000 Chung loại CT
 Loại tệ NTD Hối suất 1 Tình trạng CT hiện tại 1:Lập CT
 Số tiền trên số 63,500 In 0
 Ngày đH 2007/08/05 <SUN>
 TK NH 999-999-999
 Tên tắt NH The First Bank

STT	Ngày Bp	Mục điều độ...	Hối suất	Chứng thực	MS CT	PS mã mục chi
0001	2007/08/05	1:Lập CT	1			

Số mẫu DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

DL CT **DL tra tiền** Xem DL

MS tra tiền 730 070805001 0002
 Mục CT 2141-0000 Notes Payable
 Mục đối tác 2143-0000 Accounts Payable
 Chủ ý

- ♦ Phương thức 2: nhập tự động séc phải trả (lập séc → đổi tiền)
- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập séc phải trả
- ♦ Giải thích ví dụ: tại ngày 5 thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp “1018 Olive”, bằng séc, MS CT là “BS7799000”, số tiền là NT\$63,500, séc này sẽ đến hạn sau 2 tháng.
- ♦ **Bước 1: lập séc**

GP Lập CT phải trả[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

1. [Icon] 2. MS nhà máy: 1018 3. Ngày lập đơn: 2007/08/05 <SUN> 4. NH TT: 1102-1007

Tên tài NM: Olive
Tên đầy đủ NM: Olive Co., Ltd.

DL CT DL tra tiền Xem DL

5. Số phiếu: BS7799000
Loại tệ: NTD Hối suất: 1
Số tiền trên số: 63,500
Ngày đh: 2007/08/05 <SUN>
4. TK NH: 999-999-999
Tên tài NH: The First Bank

Chung loại CT: []
7. Tình trạng CT hiện tại: 1:Lập CT
In: 0

SIT	Ngày Bp	Mục điều độ...	Hối suất	Chứng thực	MS CT	PS mã mục chi
0001	2007/08/05	1:Lập CT	1		BS7799000	

7

DL CT DL tra tiền Xem DL

6. MS trả tiền: 730 070805001 0002
Mục CT: 2141-0000 Notes Payable
Mục đối tác: 2143-0000 Accounts Payable 2
Chú ý: []

- ♦ Giải thích trọng điểm:
 1. Nhập một bút dữ liệu bằng “tạo mới”, không cần đến “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ” để cài đặt loại đơn.
 2. Nhập “MS nhà cung cấp”, hệ thống lấy dữ liệu trong “Thao tác thiết lập dữ liệu nhà cung cấp” theo nhà cung ứng, và đưa ra “chứng từ /tài khoản đối tác”.
 3. Nhập “ngày lập đơn”.
 4. Hệ thống sẽ tự động lấy ra “ngân hàng trả tiền”.
 5. Nhập “số phiếu”, “loại tiền tệ”, “tỉ giá”, “số tiền trên séc” và “ngày đến hạn”.
 6. Thay đổi đến “trang: dữ liệu trả tiền”, có thể đưa ra dữ liệu trong “MS trả tiền”

(có thể in hỗ trợ “Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Bảng kê với bảng chi tiết phải trả \ Bảng chi tiết phiếu chi”).

- Sau đó lưu dữ liệu, có thể thấy séc này đã là trạng thái “1:lập CT” trong “tình trạng chứng từ hiện nay”, và thân đơn cũng có thể xem được sự thay đổi của séc, nếu sau đó chuyển tạo chứng từ kế toán, cũng có thể xem được mã số chứng từ kế toán tương ứng.

Bước 2: đổi tiền mặt

MS nhà máy 1018 Ngày lập đơn 2007/08/05 <SUN>
 Tên tất NM Olive NH TT 1102-1007
 Tên đầy đủ NM Olive Co., Ltd.

DL CT DL tra tiền Xem DL

Số phiếu ES7799000 Chung loại CT
 Loại tệ NTD Hối suất 1 Tình trạng CT hiện tại 6:Đổi
 Số tiền trên số 63,500 In 0
 Ngày đH 2007/08/05 <SUN>
 TK NH 999-999-999
 Tên tất NH The First Bank


STT	Ngày Bp	Mục điều độ...	Hối suất	Chứng thực	MS CT	PS mã mục chủ
0001	2007/08/05	1:Lập CT	1			
0002	2007/10/05	6:Đổi	1			

Số môn DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

Ngày đổi 2007/10/05 31
 Hối suất 1 \$

OK Hủy bỏ

♦ Giải thích trọng điểm:

- Bấm phím “đổi tiền mặt”  trên thanh công cụ.
- Hệ thống sẽ mở cửa sổ khác, nhập “ngày đổi” và “tỉ giá”.
- Bấm phím “OK”, có thể theo dõi séc này đã là trạng thái “6: Đổi tiền mặt” trong “tình trạng chứng từ hiện nay”, và thân đơn cũng có thể xem được sự thay đổi “6:

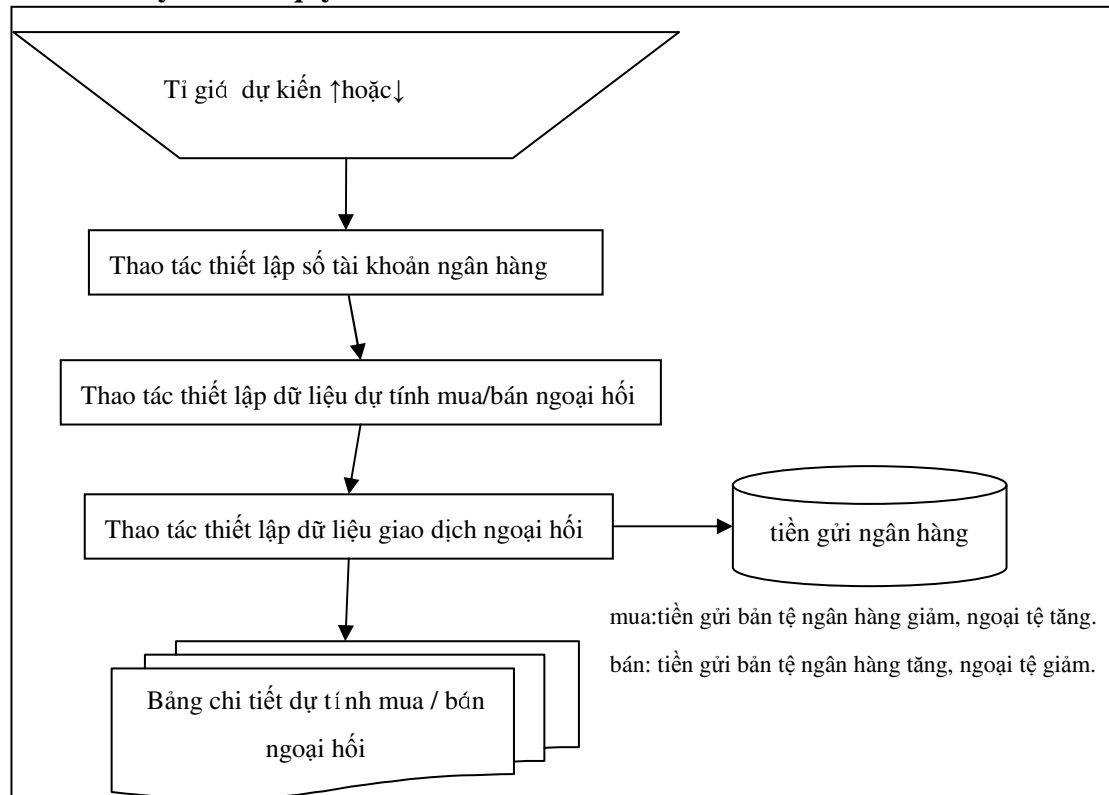
Đổi tiền mặt” của séc này, nếu sau đó chuyển tạo chứng từ kế toán, cũng có thể xem được mã số chứng từ kế toán tương ứng. Cũng có thể theo dõi việc giảm số dư tiền gửi tài khoản nhờ trả sau khi séc này đổi tiền mặt trong “thao tác thiết lập số TK ngân hàng”.

Luyện tập

1. Vào ngày 5 tháng này viết 1 tờ séc của tài khoản “1102-1007 The First Bank” cho nhà cung cấp “1019 The first”, (Bấm F2 hệ thống sẽ tự động đưa ra mã số séc), số tiền là NT\$45,000, ngày đến hạn của séc này là ngày 10 tháng sau, đến hạn thì đổi tiền mặt.

d.Quản lý ngoại hối

1.Thuyết minh quy trình



Ghi chú: xin tham khảo giáo trình “Hệ thống quản lý chi phiếu \ bài quản lý ngoại hối của Hệ thống quản lý chi phiếu”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Vị trí thao tác:

Hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập dữ liệu dự tính mua/bán ngoại hối

Hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập dữ liệu giao dịch ngoại hối

- ♦ Giải thích ví dụ: dự tính phải thanh toán một khoản ngoại tệ, và dự tính tỉ giá của loại tệ này sẽ tăng giá, nên ký “hợp đồng đặt mua ngoại hối / đổi ngoại hối dài hạn”, đặt mua USD\$3000, tỉ giá 33,1, thời hạn là nửa năm, trong thời hạn hợp đồng quyết định thanh toán toàn bộ.

Bước 1: Lập dữ liệu đặt mua/bán ngoại hối

GP Lập dữ liệu ngoại hối đặt mua/bán[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

1 [File Icon]

Chi tiết Xem DL

2 MS NH 1102-1007

Tên tắt NH The First Bank

TK NH 999-999-999

7 CONFIRM

3 Loại giao dịch 1.Mua

Ngày GD 2007/08/01

STT 0001

4 MS kế ước MV09687734651

5 Loại tệ USD

Hối suất 33.1

Số tiền tệ cũ 3,000

Số tiền tệ cũ 99,300

Tiền nguyên tệ đã TT 0

6 Ngày có thể TT 2007/08/01

Ngày ÷H 2008/01/31

Mã kết án N:Chưa kết

Ngày chấp nhận 2007/08/01

Người CN ĐS

System Administrator

Trạng thái xét N:Không chấp hạn xét duyệt điện tử

Chú ý

瀏覽 Số môn DL nội dung: 0 127.0.0.1 - 211

- ♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một bút dữ liệu bằng cách “tạo mới”, không cần thêm chứng từ khác.
2. Nhập “MS ngân hàng” của hợp đồng đã ký, hệ thống sẽ đưa ra “tên tắt ngân hàng” và “Tài khoản ngân hàng”.
3. Chọn “loại giao dịch=1.mua”, và nhập “ngày giao dịch”, hệ thống sẽ tự động tạo

“STT” (cùng một mã số ngân hàng + cùng một loại thanh toán + cùng một ngày giao dịch).

4. Nhập “Mã số hợp đồng” của hợp đồng đã ký.
5. Nhập một loại ngoại hối đã dự tính mua trong “loại tiền tệ”, “tỉ giá” và “số tiền nguyên tệ”, “số tiền bản địa = số tiền nguyên tệ x tỉ giá”, không cần nhập “số tiền nguyên tệ đã thanh toán”, khi thanh toán thực tế sẽ ghi chép dữ liệu trong “Thao tác thiết lập dữ liệu giao dịch ngoại tệ”, sau xác định dữ liệu này sẽ ghi nhận vào “số tiền nguyên tệ đã thanh toán”(có thể thanh toán từng đợt).
6. Nhập “ngày có thể giao dịch” và “ngày đến hạn”.
7. Sau lưu dữ liệu thực hiện xét duyệt.

Bước 2: thanh toán thực tế

♦ Giải thích trọng điểm:

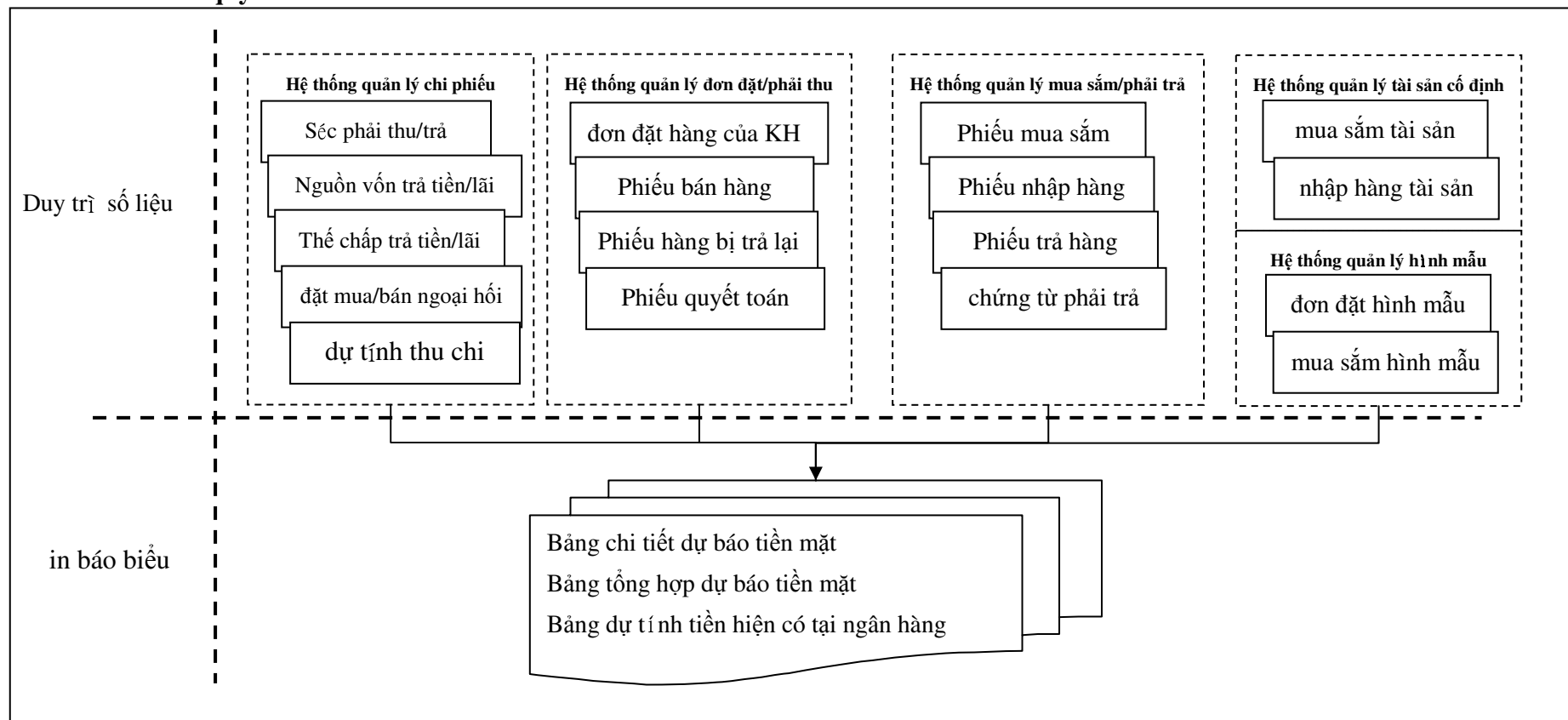
1. Nhập một bút dữ liệu bằng cách “tạo mới”, không cần thêm chứng từ khác. Bấm phím “tạo mới”, hệ thống sẽ lấy “tài khoản kế toán” cài đặt trước thành “tài khoản thanh toán ngoại hối” của “trang: giao dịch ngoại hối” trong “hệ thống quản lý chi phiếu \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác lập tài khoản chi phiếu”, có thể sửa chữa lại (ví dụ này là “đặt mua ngoại hối”, thì tài khoản kế toán là “tài khoản số dư Có”).
Lưu ý: vì kiểu trả tiền của thanh toán thực tế rất nhiều, như: tiền mặt, séc, chuyển khoản v.v. cần nhập dữ liệu theo kiểu thanh toán khác nhau (như: séc → nhập séc phải trả).
2. Nhập “Mã số ngân hàng” của hợp đồng đã ký, hệ thống sẽ đưa ra “tên tắt ngân h

àng”, “Tài khoản ngân hàng” và “tài khoản kế toán tiền gửi ngân hàng/tên TK”, đây là tài khoản ngoại hối vào sổ.

3. Chọn “loại giao dịch=1.mua”, và nhập “ngày giao dịch”, hệ thống sẽ tự động ghi “STT” (cùng một MS NH + cùng một loại giao dịch + cùng một ngày giao dịch).
4. Nhập “MS hợp đồng” của hợp đồng đã ký bước trên, hệ thống sẽ đưa ra “tiền nguyên tệ cũ thanh toán” sau khi nhập, nếu thanh toán từng đợt có thể sửa chữa chữ đoạn này; “tiền bản tệ giao dịch = giao dịch nguyên tệ x tỉ giá”.
5. Lưu dữ liệu lại, xác nhận. có thể vào “thao tác lập dữ liệu ngoại hối đặt mua/bán” để xem “tiền nguyên tệ đã thanh toán” của “Mã số hợp hòng” đã đã cập nhật chưa. Cũng có thể theo dõi số dư tiền gửi ngoại hối tài khoản này đã tăng thêm hay chưa trong “thao tác lập mã TK ngân hàng”

e. Quy trình quản lý ước tính tiền vốn

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: Xin xem giáo trình “Hệ thống quản lý chi phiếu \ bài quản lý ước tính tiền vốn của Hệ thống quản lý chi phiếu”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

♦ Vị trí thao tác:

Hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập dự tính thu chi

Hệ thống quản lý chi phiếu \ In báo cáo \ Bảng chi tiết dự báo tiền vốn

- ♦ Giải thích ví dụ: ghi chép dự tính phát tiền thưởng thành tích và hiệu ích quý này là 500 nghìn.


The screenshot shows a software window titled "Lập thu chi dự tính[Success]". It contains various input fields and buttons. Numbered annotations are as follows:

- 1: Points to the "Chi tiết" (Details) button.
- 2: Points to the "Mã số thu chi dự toán" (Forecast settlement code) field, which contains "9603-001".
- 3: Points to the "Ngày dự toán" (Forecast date) field, which contains "2007/09/30".
- 4: Points to the "Loại thu chi" (Settlement type) section, where "Chi -1" is selected.
- 5: Points to the "MS NH" (Bank account) field, which contains "1102-1007".
- 6: Points to the "Chú ý" (Remarks) field, which contains "96 years the 3rd season merit bonus".
- 7: Points to the "Loại tệ" (Currency) field, which contains "NTD", and the "Hối suất" (Exchange rate) field, which contains "1".
- 8: Points to the "Thực hiện" (Execute) button.

Other visible fields include "AMT" (Amount) set to "500,000", "Số đơn gửi và lấy" (Number of documents sent and received), "Tên tài NH" (Bank name) set to "The First Bank", "TK NH" (Bank account) set to "999-999-999", and a section for "Mã tra tiền hạn sẵn" (Ready-to-use settlement code) with fields for "MS nhà máy" (Factory code), "MS NH", "TK NH", "Loại đơn trả tiền" (Settlement type), and "Mã CX media".

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập dữ liệu bằng cách “tạo mới”, không cần nhập thêm chứng từ khác.
2. Nhập “mã số dự toán thu chi”.
3. Nhập “ngày dự toán chi” của cước phí này.
4. Chọn “loại thu chi=chi”.
5. Nhập tài khoản ngân hàng của chỉ tiêu cước phí này tiếp theo.
6. Có thể nhập tên của cước phí này trong “ghi chú”.
7. Nhập “loại tiền tệ”, “tỉ giá” và “thành tiền” của cước phí này.
8. Nếu cước phí này đã thực hiện hoặc không ảnh hưởng dự toán tiền vốn, cần bấm

phím “thực hiện thu chi dự tính” , thì dấu “thực hiện” sẽ được đánh dấu, thì bút cước phí này sẽ không ảnh hưởng đến khi thực hiện “Bảng chi tiết dự toán tiền vốn”, “bảng tổng hợp dự toán tiền vốn” hoặc “bảng tình hình dự toán tiền gửi ngân hàng”.

Ví dụ của “Bảng chi tiết dự toán tiền vốn”:

Bản không chế công tác nhóm[System Administrator][Success] - [Xem bảng(Bảng kế ước giá vốn-20070821000004-200708210001)]							
Người quản lý nhóm công tác Cửa sổ							
Success Co., Ltd.							
Bảng kế ước giá vốn							
Ngày lập: 2007/08/21				Ngày cuối: 2007/09/30		Trang 9	
Ngày	Số tiền thu	Số tiền chi	Số dư vốn có thể dùng	Diễn giải nguồn	MS BC	Thuyết minh	
2007/09/07	0.00	39,060.00	-496,364,535.00	Mua hàng	34A-960610001	DSC	2007/06/10
	0.00	977.00	-496,365,512.00	P/O	33A-960606002	Gen Gen	2007/06/22
	0.00	252,000.00	-496,617,512.00	P/O	33A-960605001	DSC	2007/06/10
	0.00	41,654.00	-496,659,166.00	Mua hàng	34D-960620001	Gen Gen	2007/06/20
2007/09/10	0.00	15,750.00	-496,674,916.00	P/O	33A-960601003	Time	2007/06/16
	0.00	65,100.00	-496,740,016.00	P/O	33A-960602001	May Life	2007/06/22
	0.00	94,500.00	-496,834,516.00	P/O	33A-960601001	Ta tung	2007/06/21
	0.00	15,750.00	-496,850,266.00	P/O	33A-960601002	Hwa Hsia	2007/06/16
	0.00	65,100.00	-496,915,366.00	P/O	33A-960607003	Hwa Hsia	2007/06/08
	0.00	10,000.00	-496,925,366.00	P/O	33A-960607002	Ta tung	2007/06/09
	0.00	105,000.00	-497,030,366.00	P/O	33A-960602002	Life forever	2007/06/15
	0.00	10,500.00	-497,040,866.00	P/O	33A-960603001	Sing sing	2007/06/12
	0.00	15,750.00	-497,056,616.00	Mua hàng	34F-960613001	Hwa Hsia	2007/06/13
	0.00	420,000.00	-497,476,616.00	Tiền phải trả	71A-960620001	Ta tung	2007/06/20
	0.00	-525.00	-497,476,091.00	Tiền phải trả	71A-960625001	Ta tung	2007/06/25
	0.00	8,316.00	-497,484,407.00	Mua hàng	34F-960624001	Ta tung	2007/06/24
	0.00	-525.00	-497,483,882.00	Trả	35F-960617001	Hwa Hsia	2007/06/17
	0.00	-735.00	-497,483,147.00	Trả	35F-960620001	Ta tung	2007/06/20
	0.00	94,500.00	-497,577,647.00	Mua hàng	34F-960604001	Hwa Hsia	2007/06/04
	0.00	52,500.00	-497,630,147.00	Mua hàng	34F-960612001	Ta tung	2007/06/12
	0.00	58,800.00	-497,688,947.00	Mua hàng	34F-960608001	Ta tung	2007/06/08
2007/09/17	0.00	10,500.00	-497,699,447.00	P/O	33A-960706001	Time	2007/07/11
2007/09/20	-525.00	0.00	-497,699,972.00	S/R	245-960824001	The Atlantic Sogo	2007/08/24
	12,600.00	0.00	-497,687,372.00	ĐĐH	220-960801001	The Atlantic Sogo	2007/08/21
	9,660.00	0.00	-497,677,712.00	Bán	235-960906001	The Atlantic Sogo	2007/09/06
	14,490.00	0.00	-497,663,222.00	Bán	235-960915001	The Atlantic Sogo	2007/09/15
2007/09/24	33,600.00	0.00	-497,629,622.00	ĐĐH	220-960902001	The brother	2007/09/22
	31,500.00	0.00	-497,598,122.00	ĐĐH	220-960901005	The royal	2007/09/22
2007/09/25	12,600.00	0.00	-497,585,522.00	ĐĐH	220-960902002	The brother	2007/09/25
2007/09/30	0.00	500,000.00	-498,085,522.00	Chỉ tiêu dự tính	9603-001	The Fust Bank	96 years the 3rd s

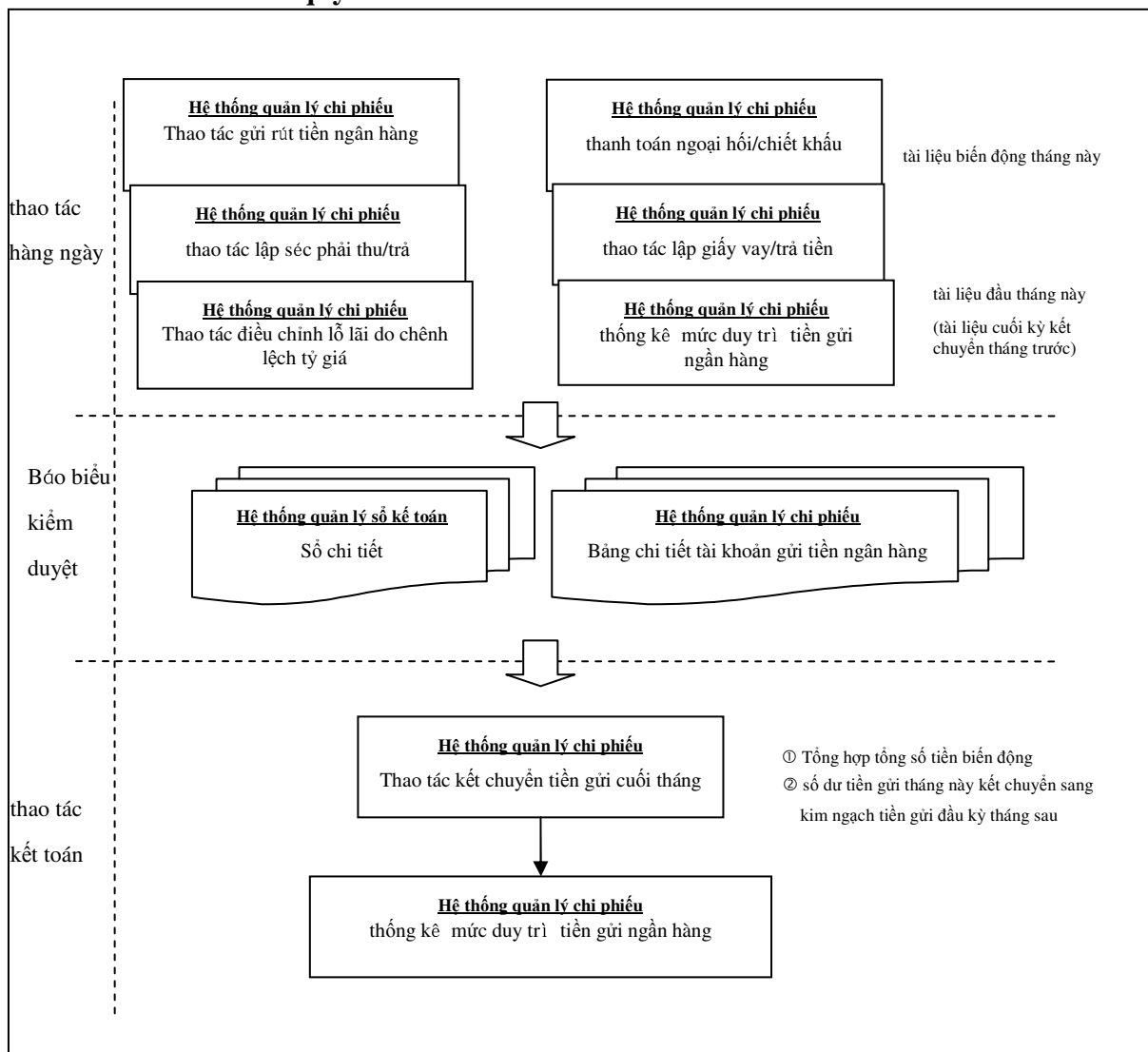
<Tiếp tục>

Tọa độ (In.): (8.43, 15.90)

(X: 809, Y: 1526)

f. Quy trình kết sổ hàng tháng

1. Giải thích quy trình



Ghi chú : xin tham khảo giáo trình “Hệ thống quản lý chi phiếu \bài thao tác kết toán của hệ thống quản lý chi phiếu”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Vị trí thao tác:

Hệ thống quản lý chi phiếu \ thao tác hàng loạt \ Thao tác kết chuyển tiền gửi cuối tháng

Hệ thống quản lý chi phiếu \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác duy trì số liệu thống kê ngân hàng hàng tháng

- ♦ Giải thích ví dụ: thực hiện trình tự thanh toán cuối tháng, thống kê kết dư tiền gửi của các tài khoản ngân hàng.

- ♦ Giải thích trọng điểm:

1. Mở thao tác này, không cần đặt điều kiện, hệ thống sẽ lấy “Kỳ hiện hành tiền gửi ngân hàng” trong “Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tham số tài chính” để làm “tháng /năm kết chuyển”, bấm phím “xác nhận” cho trung tâm phân phối công tác xử lý, kết quả thực hiện có thể theo dõi tại “hệ thống quản lý chi phiếu \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác sửa số liệu thống kê ngân hàng hàng tháng”, như sau:

GP Duy trì thống kê NH hàng tháng[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

MS NH 1102-1007

Tên tài NH The First Bank

TK NH 999-999-999

Mục kế toán 1102-1007

Tên mục The First Bank

Loại tệ NTD

Tháng năm gửi tiền 2007/09

Số dư nguyên tệ đầu tháng 464,983

Số dư tệ này đầu tháng 464,983

Chú ý

127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Mọi “loại tiền tệ” của mọi tài khoản (Mã ngân hàng) đều có thể thống kê ra “số đầu tháng/số dư bản tệ”, thực hiện xong hệ thống sẽ lấy “Tháng năm hiện tại gửi tiền NH” trong “Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác thiết lập\ Thao tác thiết lập tham số tài chính” cộng một.
2. Sau thực hiện trình tự kết sổ cuối tháng, có thể thông qua báo biểu này để biết số dư tiền gửi của các tài khoản ngân hàng.

Địa chỉ báo biểu: Hệ thống quản lý chi phiếu \ in báo biểu\ Bảng chi tiết tài khoản gửi tiền ngân hàng